

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 6 và 6 tháng năm 2018

Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rà soát phân bổ vốn đầu tư, tập trung ứng vốn cho dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để xây dựng đô thị thông minh, xây dựng danh mục sản phẩm chủ lực; tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh, cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, tạo động lực cho Thành phố phát triển nhanh và bền vững.

Về kinh tế: 6 tháng đầu năm 2018, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,27% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 7,33%), trong đó: khu vực nông, lâm thuỷ sản tăng 6,08%, khu vực công nghiệp – xây dựng tăng 7,17%, khu vực thương mại – dịch vụ tăng 7,29%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,11%.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 510.190 tỷ đồng, tăng 12,5% (loại trừ giá tăng 9,4%).

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước (không kể dầu thô) ước tính 6 tháng đạt 16.936,4 triệu USD, tăng 10,9% so cùng kỳ. Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 23.668,4 triệu USD, tăng 15% so cùng kỳ.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước đạt 183.465 tỷ đồng, đạt 48,69% dự toán, tăng 8% so cùng kỳ; nguồn thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm 4,8% do việc cắt giảm một số mặt hàng về thuế suất 0% theo các Hiệp định đã ký; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 28.109 tỷ đồng, đạt 32,36% dự toán, tăng 32,3% so cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng đến 1/6/2018 tăng 7,0% so với 31/12/2017 (cùng kỳ 2017 là 9,14%, 2016 là 5,9%); tỉ giá USD trong tháng 6 có xu hướng tăng. Chỉ số chứng khoán VN-Index có lúc vượt ngưỡng 1.180 điểm sau 11 năm, chạm mốc 1.200 điểm, sau đó giảm dần, hiện đang dao động xoay quanh mức 1.100 điểm.

Theo điều tra doanh nghiệp 2018: tính đến nay, số doanh nghiệp hiện đang hoạt động là 200.001, tăng 16,5% so với điều tra 2017, tương ứng tăng 28.346 doanh nghiệp

Về văn hoá - xã hội: Nhiều hoạt động lễ hội, biểu diễn văn hoá nghệ thuật, hoạt động thể thao diễn ra nhằm tạo ra một đời sống văn hoá mới cho người dân Thành phố và thu hút khách du lịch; tăng cường kiểm tra việc thực hiện xây dựng tuyến đường điểm văn minh – mỹ quan.

Ngành giáo dục tổ chức tổng kết năm học, tổ chức thi tốt nghiệp cuối cấp và vận động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; phấn đấu thực hiện số học sinh tiểu học bình quân 1 lớp học là 35 học sinh/lớp, số học sinh trung học phổ thông bình quân 1 lớp học là 45 học sinh/lớp. Năm học 2017-2018, thành phố có 1.028 trường mầm non, tăng 108 trường so với năm học trước; 952 trường phổ thông, tăng 2 trường so với năm học trước.

Ngành y tế chức lễ phát động “Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết” với nhiều hoạt động truyền thông trong cộng đồng; tiếp tục hoàn thiện phần mềm GIS ứng dụng trong hệ thống khám dịch bệnh, phần mềm quản lý tiêm chủng quốc gia và quản lý bệnh truyền nhiễm; chủ động phòng ngừa kiểm soát, xử lý các yếu tố có nguy cơ bùng phát dịch bệnh, không để lan rộng ra cộng đồng.

6 tháng đầu năm, đã thu hút và giải quyết việc làm cho 160.355 lao động, đạt 53,5% kế hoạch; tạo ra 82.565 số chỗ việc làm mới, đạt 63,5% kế hoạch.

I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm ước đạt 585.635 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt **459.560 tỷ đồng, tăng 7,27% so cùng kỳ.**

Tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng

	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá hiện hành)	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2017(%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	585.635	459.560	7,27	7,27
<i>Chia theo khu vực</i>				
- Nông lâm thủy sản	3.714	2.479	6,08	0,03
- Công nghiệp và xây dựng	134.531	104.308	7,17	1,63
+ Công nghiệp	107.991	84.569	7,15	1,32
+ Xây dựng	26.540	19.739	7,24	0,31
- Thương mại - Dịch vụ	370.236	292.229	7,29	4,63
-Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	77.154	60.544	7,40	0,98

Trong mức tăng trưởng chung 7,27% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thủy sản tăng 6,08%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,17%, đóng góp 1,63 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 7,29%, đóng góp 4,63 điểm phần trăm.

– Khu vực nông lâm thủy sản có mức tăng cao nhất 6,08% trong 5 năm gần đây.

– Khu vực công nghiệp và xây dựng có mức tăng trưởng chậm: ngành công nghiệp tăng 7,15%, cùng kỳ tăng 7,39%; ngành xây dựng tăng 7,24%, thấp hơn so với mức tăng 9% của cùng kỳ năm trước.

– Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 7,29%, tuy thấp hơn so với mức tăng 7,4% cùng kỳ năm trước nhưng vẫn được đánh giá là nơi có nhiều hoạt động kinh doanh sôi nổi, thu hút nhiều dự án của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đồng thời có sự cạnh tranh quyết liệt. Một số ngành tăng cao hơn mức tăng chung như: bán buôn, bán lẻ tăng 7,68%, vận tải kho bãi (+7,54%), thông tin truyền thông (+8,72%), tài chính, ngân hàng (+8,02%), giáo dục và đào tạo (+8,67%), y tế (+7,45%);

Về cơ cấu GRDP, xét theo giá hiện hành, khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 23%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 63,2%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 13,2%.

*** Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ chủ yếu trong GRDP:**

9 ngành dịch vụ chiếm 57,6% trong GRDP và chiếm 91,1% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 4 ngành chiếm tỷ trọng cao là thương nghiệp (18,1%), vận tải kho bãi (8,8%), kinh doanh bất động sản (8%), tài chính ngân hàng (5,3%) - đây là những ngành là chủ đạo chiếm 63,5% nội bộ khu vực dịch vụ, do đó cần có cơ chế tác động 4 ngành này để tạo hiệu ứng lan toả cho toàn bộ Khu vực dịch vụ phát triển mạnh hơn nữa.

Đóng góp của 9 ngành dịch vụ chủ yếu trong GRDP

Khu vực dịch vụ	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
Khu vực dịch vụ	585.635	63,2	100
<i>Trong đó 9 ngành dịch vụ</i>	<i>337.385</i>	<i>57,6</i>	<i>91,1</i>
G. Thương nghiệp bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	106.081	18,1	28,7
H. Vận tải kho bãi	51.299	8,8	13,9
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	16.579	2,8	4,5
J. Thông tin và truyền thông	23.104	3,9	6,2
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	30.775	5,3	8,3
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	47.084	8,0	12,7
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	25.121	4,3	6,8
P. Giáo dục và đào tạo	20.998	3,6	5,7
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	16.344	2,8	4,4

+ Ngành thương nghiệp bán buôn, bán lẻ: là ngành có số lượng cơ sở hoạt động nhiều nhất, tạo ra giá trị tăng thêm cao nhất 106.081 tỷ, chiếm tỷ trọng 18,1% trong tổng GRDP và chiếm 28,7% trong khu vực dịch vụ. So sánh tỷ trọng của các ngành khác trong tổng GRDP của Thành phố thì ngành thương mại chỉ đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

+ Ngành vận tải kho bãi: đạt 51.299 tỷ, chiếm 8,8% trong tổng GRDP và 13,9% trong khu vực dịch vụ. Đây là ngành có vị trí quan trọng thứ 2 trong 9 ngành dịch vụ, có mức tăng trưởng 7,54% so cùng kỳ. Do có vị trí địa lý đặc thù là trung tâm kinh tế, với hệ thống cảng biển và các kho chứa hàng nên Thành phố Hồ Chí Minh có vai trò đầu mối trong hoạt động vận chuyển hàng hóa của cả khu vực Đông nam bộ. Hiện Thành phố đang thí điểm tuyến buýt giao thông bằng đường sông.

+ Ngành khách sạn, nhà hàng (lưu trú và ăn uống): đạt 16.579 tỷ, chiếm 2,8% trong tổng GRDP và 4,5% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 3,58% so cùng kỳ;

+ Ngành thông tin truyền thông: đạt 23.104 tỷ, chiếm 3,9% trong tổng GRDP và 6,2% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng cao 8,72% so cùng kỳ;

+ Ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm: đạt 30.775 tỷ, chiếm 5,3% trong tổng GRDP và 8,3% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,02% so cùng kỳ;

+ Ngành kinh doanh bất động sản¹ trong 6 tháng đầu năm tăng 5,32%, có thời điểm đã xuất hiện hiện tượng đầu cơ, làm tăng giá đất bất thường và lan đi những nơi khác, đặc biệt tại khu vực Quận 2, 9, Thủ Đức.

+ Ngành hoạt động chuyên môn KHCN² đạt 25.121 tỷ, chiếm 4,3% trong tổng GRDP và 6,8% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 6,66% so cùng kỳ;

+ Ngành giáo dục và đào tạo: đạt 20.998 tỷ, chiếm 3,6% trong tổng GRDP và 5,7% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 8,67% so cùng kỳ;

+ Ngành y tế: đạt 16.344 tỷ, chiếm 2,8% trong tổng GRDP và 4,4% trong khu vực dịch vụ, tăng 7,45% so cùng kỳ.

*** Về tỷ trọng đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu³ trong GRDP:**

4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu chiếm 10% trong tổng GRDP và 54,3% trong toàn ngành công nghiệp. Nhóm ngành đóng góp nhiều nhất trong cơ cấu GRDP

¹ Theo phân ngành kinh tế, ngành bất động sản chỉ bao gồm hoạt động: mua bán BĐS, cho thuê BĐS và dịch vụ môi giới liên quan đến BĐS (hoạt động xây dựng BĐS đã tính vào ngành xây dựng).

² Ngành hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ bao gồm các ngành dịch vụ chuyên môn như: dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn pháp luật, công chứng và chứng thực, tư vấn quản lý; dịch vụ kỹ thuật, kiến trúc, đo đạc, nghiên cứu khoa học; quảng cáo, nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ, thiết kế chuyên dụng.

³ Theo phân ngành kinh tế: Nhóm ngành chế biến lương thực, thực phẩm bao gồm chế biến thực phẩm (mã 10) và sản xuất đồ uống (mã 11); Nhóm ngành hoá dược cao su chỉ tính các ngành sản xuất hoá chất và sản phẩm từ hoá chất (mã 20); sản xuất thuốc, hoá dược (mã 21); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (mã 22); Nhóm ngành điện tử chỉ có ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học (mã 26); Nhóm ngành cơ khí quy ước bao gồm sản phẩm sản phẩm kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) – mã 25; sản xuất thiết bị điện (mã 27); sản xuất máy móc thiết bị chưa phân vào đâu (mã 28); sản xuất xe có động cơ (mã 29); sản xuất phương tiện vận tải khác (mã 30).

là thực phẩm – đồ uống, chiếm 2,97%; kế đến là cơ khí 2,54%, hoá dược cao su 2,33% và điện tử 2,17%.

Đóng góp của 4 ngành công nghiệp trọng yếu trong GRDP

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)
Tổng số	58.591	10,00
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	17.390	2,97
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	10.660	1,82
11-Sản xuất đồ uống	6.730	1,15
B-Nhóm Ngành hóa dược cao su	13.625	2,33
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	5.348	0,91
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	1.825	0,31
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	6.452	1,10
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	12.721	2,17
26-Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	12.721	2,17
D-Nhóm ngành cơ khí	14.855	2,54
25-Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	6.155	1,05
27-Sản xuất thiết bị điện	3.924	0,67
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	1.163	0,20
29-Sản xuất xe có động cơ	2.943	0,50
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	670	0,11

II. CÔNG NGHIỆP

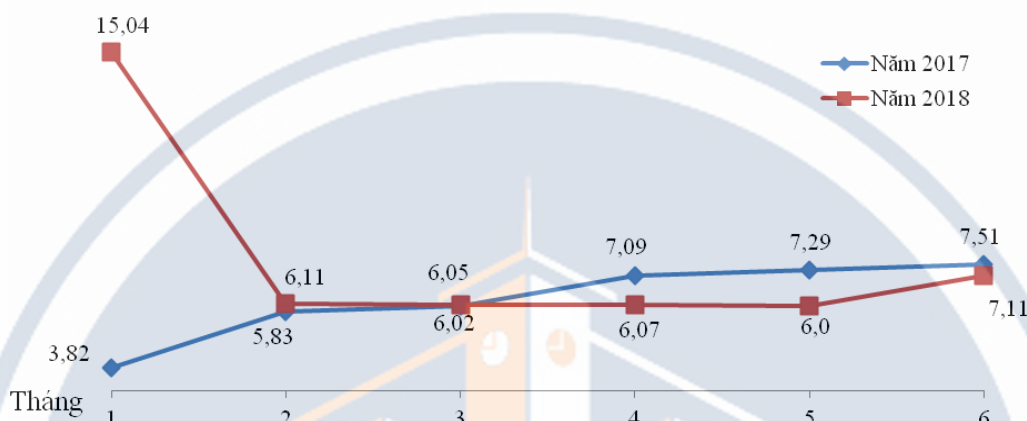
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 6 tăng 4,81% so với tháng trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 64,51%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,94%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,33%; ngành cung cấp và xử lý rác thải giảm 4,71%.

So với tháng 6/2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,8%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,11% so với cùng kỳ năm trước** (mức tăng của năm 2017: +7,51%). Trong đó, ngành khai khoáng giảm 22,6% ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,21%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,81%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,04%.

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 26/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng: sản xuất thiết bị điện (+26,31%); sản xuất giấy (+23,02%); chế biến thực phẩm (+10,69%); sản xuất cao su và plastic (+10,40%); sản xuất sản phẩm điện tử (+10,15%); trang phục (+8,97%); da (+8,8%); dệt (+8,11%)...

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất kim loại (-3,78%); xe có động cơ (-14,32%); sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt máy móc, thiết bị (-23,77%); dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng (-26,99%).

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 6/2018 so với tháng 5/2018	6 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	104,81	107,11
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	164,51	77,40
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,94	107,21
3. SX và phân phối điện	103,33	108,81
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	95,29	107,04
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	103,53	110,69
2. Sản xuất đồ uống	104,65	105,36
3. Sản xuất trang phục	105,68	108,97
4. Sản xuất da và SP liên quan	96,23	108,80
5. SX hóa chất và SP hóa chất	105,08	104,69
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,69	110,40
7. SP. từ khoáng phi kim loại	120,55	101,59
8. Sản xuất SP điện tử	118,30	110,15
9. Sản xuất thiết bị điện	95,60	126,31
10. Sản xuất xe có động cơ	64,28	85,68

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp của thành phố vẫn duy trì mức độ tăng trưởng ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ tiếp tục mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm để bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính cộng dồn 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ tăng 9,55%. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 8,74%;
- Ngành hóa dược tăng 6,66%;
- Ngành cơ khí tăng 13,13% chủ yếu do ngành sản xuất điện tăng mạnh;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 10,15%, do ngành được quan tâm đầu tư phát triển thông qua việc tiếp thu trình độ khoa học kỹ thuật cao về sử dụng công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử... và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 6 so so tháng 5	6 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	92,06	109,55
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	103,94	108,74
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	103,53	110,69
11-Sản xuất đồ uống	104,65	105,36
B-Ngành hóa dược	104,50	106,66
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	105,08	104,69
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,43	100,57
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	103,69	110,40
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	118,30	110,15
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	118,30	110,15
D-Nhóm ngành cơ khí	51,23	113,13
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	109,24	114,00
27-Sản xuất thiết bị điện	95,60	126,31
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	98,26	118,51
29-Sản xuất xe có động cơ	64,28	85,68
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	88,22	118,86

2 ngành truyền thống⁴: Ngành dệt may thành phố đã phục hồi và tăng trưởng trở lại. Dự báo trong năm 2018 ngành dệt may sẽ có nhiều bứt phá do các doanh nghiệp dệt may tự tái cơ cấu, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp, giảm dần việc nhập nguyên liệu và đã xuất được nguyên vật liệu vào một số nước.

⁴ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

Ngoài ra, trong thời gian gần đây doanh nghiệp cũng đã quan tâm nhiều đến khâu thiết kế, may mẫu và chào hàng, xây dựng chuỗi kết nối dệt – nhuộm – may để cung ứng cho nhau, giảm nhập khẩu nguyên liệu.

Chỉ số sản xuất cộng dồn 6 tháng của nhóm ngành truyền thống tăng 8,77% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành dệt tăng 8,11%, ngành da giày tăng 8,8%, ngành may trang phục tăng 8,97%.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong 6 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ. Những sản phẩm tăng cao: đá xây dựng đạt 133,16 nghìn m³, tăng 53,82%; sắt thép các loại đạt 211 nghìn tấn, tăng 26,73%; bột giặt đạt 268,77 nghìn tấn, tăng 17,01%;

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 6 tăng 1,56% so tháng trước và tăng 8,24% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 6 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 6,78% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất kim loại; sản xuất trang phục...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/6 tăng 6,74% so với tháng trước và tăng 17,57% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng như sản xuất kim loại; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất thiết bị điện; thuốc lá... Bên cạnh đó có một ngành giảm như sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất thuốc, hóa dược; sản xuất xe có động cơ...

III. XÂY DỰNG

Thị trường xây dựng và bất động sản trên địa bàn tuy không còn sốt như những tháng đầu năm nhưng vẫn là lĩnh vực hoạt động khá sôi nổi và đóng góp tích cực cho nền kinh tế thành phố. Nhiều công trình, dự án mới được triển khai, các công trình dở dang được đẩy nhanh tiến độ hoàn thành để cung cấp cho thị trường. Bên cạnh những doanh nghiệp bất động sản tiêu biểu như Vingroup, FLC, Hòa Bình... thì năm nay còn xuất hiện thêm những công ty mà trước đây chỉ là những công ty nhỏ, nhà thầu phụ... đã vươn lên và trở thành công ty lớn trong ngành.

Giá trị sản xuất xây dựng 6 tháng đầu năm theo giá hiện hành ước đạt 107.277,03 tỷ đồng (tăng 15,82%), bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 4.490,18 tỷ đồng, chiếm 4,18%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 97.244,02 tỷ đồng, chiếm 90,65%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 5.542,83 tỷ đồng, chiếm 5,17%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 56,86%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 21,09% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 22,05%.

Giá trị sản xuất xây dựng trong 6 tháng theo giá so sánh ước đạt 79.664,69 tỷ đồng, tăng 7,07% so với cùng kỳ năm 2017. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 7,29%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 5,78% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 3,49%.

IV. ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm ước thực hiện 163.958 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng của 6 tháng cùng kỳ 2017 là 8,4%. Môi trường đầu tư được cải thiện, dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng khá, xu hướng đa dạng của nhiều sản phẩm bất động sản, nguồn vốn ngân hàng ổn định, thủ tục đầu tư ngày càng thông thoáng là những nguyên nhân chính tác động làm tăng vốn đầu tư trong 6 tháng.

Vốn đầu tư từ ngân sách chiếm 9.266 tỷ đồng, chiếm 5,7% trong tổng vốn, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Nguồn vốn doanh nghiệp Nhà nước có xu hướng giảm dần do quá trình cổ phần hóa, ước 6 tháng đạt 12.701 tỷ đồng, chiếm 7,7%, giảm 1,1%. Khu vực ngoài Nhà nước đạt 90.105 tỷ đồng, chiếm 55%, tăng 13,7%. Vốn khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 27.786 tỷ đồng, chiếm 16,9%, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Vốn khác đạt 24.100 tỷ đồng, chiếm 14,7%, tăng 17,7%.

Vốn đầu tư phân theo nguồn vốn 6 tháng đầu năm 2018

	Tổng số (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	% so sánh với 6 tháng năm 2017
Tổng số	163.958	100,0	111,7
- Vốn ngân sách địa phương	8.346	5,1	107,9
- Vốn ngân sách Trung ương	920	0,6	106,6
- Vốn doanh nghiệp Nhà nước	12.701	7,7	98,9
- Vốn nước ngoài	27.786	16,9	108,3
- Vốn ngoài Nhà nước	90.105	55,0	113,7
- Vốn khác	24.100	14,7	117,7

Tình hình thực hiện vốn ngân sách, cụ thể như sau:

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn thuộc ngân sách địa phương 6 tháng ước thực hiện 8.346,3 tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng năm trước (6 tháng năm 2017 tăng 3,2%). Trong đó, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 8.079,0 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ; vốn sửa chữa lớn 267,3 tỷ đồng, bằng 78,5% so với cùng kỳ.

Vốn phân cấp thành phố 6 tháng ước thực hiện 5.103,4 tỷ đồng, chiếm 61,1%, tăng 9,1% so với cùng kỳ; cấp quận huyện ước thực hiện 3.242,9 tỷ đồng, chiếm 38,9%, tăng 6,4%. Trong đó, nguồn ngân sách tập trung 5.776 tỷ đồng (đạt 25,8% so kế hoạch); nguồn vốn vay ODA 1.914 tỷ đồng (đạt 39,2%); nguồn vốn xổ số kiến thiết 656 tỷ đồng (đạt 39,1%).

Kế hoạch giao vốn (đợt 1) năm nay khá cao, là 28.989,5 tỷ đồng, tăng 53,6% so kế hoạch cùng kỳ, tạo điều kiện cho nhiều dự án đẩy mạnh khối lượng thực hiện

Một số dự án tiêu biểu như:

+ Bờ tả sông Sài Gòn (đoạn còn lại) từ rạch Cầu Ngang đến Khu đô thị Thủ Thiêm, với tổng vốn đầu tư 992,7 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 150 tỷ đồng, thực hiện 6 tháng ước đạt 75,8 tỷ đồng;

+ Giải phóng mặt bằng Kênh Hàng Bàng, Quận 6, với tổng vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 500 tỷ đồng, 6 tháng ước đạt 300 tỷ đồng;

+ Dự án Cải thiện môi trường nước thành phố lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé - Đô - Tê (giai đoạn 2), tổng vốn đầu tư 11.281,3 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 200 tỷ đồng, thực hiện 6 tháng ước đạt 218,2 tỷ đồng;

+ Dự án vệ sinh môi trường TPHCM - Giai đoạn 2, tổng vốn đầu tư 11.132,9 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 1.400 tỷ đồng, thực hiện 6 tháng ước đạt 286,0 tỷ đồng.

+ Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên, hiện thành phố đang tạm ứng vốn để thi công, khối lượng thực hiện đạt trên 54%; tiếp tục hoàn thiện 11 nhà ga trên toàn tuyến và lắp ráp đường ray đoạn từ cầu Sài Gòn đến Ngã tư Thủ Đức. Gói thầu thi công đường hầm từ nhà ga Nhà hát Thành phố đến nhà ga Ba Son thực hiện 24/24 giờ, dự kiến hoàn thành trong tháng 6/2018.

Ngoài ra, trong tháng có 2 công trình vốn lớn hoàn thành đưa vào sử dụng, đây là tiền đề để các dự án tiếp theo tạo động lực góp phần vào tăng hiệu quả đầu tư, cụ thể:

+ Dự án cầu qua đảo Kim Cương, quận 2, với tổng vốn đầu tư gần 500 tỷ đồng, thi công trong vòng 8 tháng, kết nối cả một khu vực lớn Phường Thạnh Mỹ Lợi, từ UBND Quận 2 qua đảo Kim Cương, kết nối với đường mai Chí Thọ;

+ Dự án Bệnh viện Nhi đồng Thành Phố tại Huyện Bình Chánh, được xây dựng trên diện tích 12,47 ha, qui mô 1.000 giường bệnh, với tổng vốn đầu tư 4.400 tỷ đồng. Đây là dự án đưa vào sử dụng nhằm làm giảm tải áp lực điều trị bệnh cho hai bệnh viện nhi đồng 1 và nhi đồng 2. Dự án này được đầu tư từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu đầu tư hệ thống y tế địa phương.

Một số khó khăn tồn tại 6 tháng đầu năm: công tác đền bù giải phóng mặt bằng vẫn còn chậm, gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Khâu phê duyệt các dự án chuẩn bị đầu tư và lập dự án mất rất nhiều thời gian; nhiều Sở ngành quản lý quá nhiều dự án, nên khâu giám sát tiến độ và chất lượng công trình còn hạn chế. Công tác hạ tầng, duy tu chưa tập trung, còn rải rác theo nhiều đợt, làm ảnh hưởng đến khai thác nhiều tuyến đường. Tình hình chống ngập vẫn chưa đạt hiệu quả, do thiếu vốn nên nhiều dự án còn thi công theo kiểu chắp vá, không đồng bộ và hệ thống thoát nước đã lạc hậu, quá tải.

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến ngày 31/5, toàn thành phố đã cấp 26.242 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 5.219,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 25.276 giấy phép, với diện tích 5.106,9 ngàn m² và 966 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 112,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 7,5% về giấy phép (+1.837) và tăng 6,9% về diện tích (+334,5 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/6/2018, Thành phố đã có 437 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 444 triệu USD, tăng 22,8% về giấy phép và tăng 13,2% về vốn đăng ký so với năm 2017. Vốn đăng ký bình quân 1 dự án đạt 1,02 triệu USD, giảm 7,8%.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 124 dự án, vốn đạt 414,8 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 15/6 đạt 858,8 triệu USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước.**

Góp vốn, mua cổ phần có 1.283 trường hợp, tổng vốn đạt 2.957,1 triệu USD, gấp đôi so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo quy mô vốn: dưới 1 triệu USD có đến 380 dự án (chiếm 87%), vốn đăng ký đạt 59,6 triệu USD (chiếm 13,4%); từ 1 triệu USD đến dưới 10 triệu USD có 46 dự án, vốn đạt 89 triệu USD (chiếm 20%); trên 10 triệu USD có 11 dự án, vốn đạt 295,4 triệu USD, chiếm 66,5% trong tổng vốn cấp mới.

Theo loại hình đầu tư: 100% vốn nước ngoài có 397 dự án, vốn đăng ký đạt 419,1 triệu USD (chiếm 94,4%); liên doanh 39 dự án, vốn đạt 24,9 triệu USD (chiếm 5,6%); hợp đồng hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 6 ngàn USD.

Theo ngành hoạt động: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 20 dự án, vốn đầu tư đạt 125,2 triệu USD (chiếm 28,2%); hoạt động kinh doanh bất động sản 19 dự án, vốn đạt 123,8 triệu USD (chiếm 27,9%); thương mại 152 dự án, vốn đầu tư 86,4 triệu USD (chiếm 19,5%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 121 dự án, vốn đầu tư 58,1 triệu USD (chiếm 13,1%); thông tin và truyền thông 60 dự án, vốn đầu tư 22,7 triệu USD (chiếm 5,1%); vận tải kho bãi 17 dự án, vốn đầu tư 10,4 triệu USD (chiếm 2,4%); xây dựng 24 dự án, vốn đầu tư 10,2 triệu USD (chiếm 2,3%).

Theo đối tác đầu tư: có 45 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn. Trong đó, dẫn đầu là Hàn Quốc với 86 dự án, vốn đầu tư đạt 137,9 triệu USD, chiếm 31,1% tổng vốn cấp mới. Kế đến là Singapore 64 dự án, vốn đầu tư 105,4 triệu USD, chiếm 23,8%. Na Uy 3 dự án, vốn đầu tư 70,1 triệu USD, chiếm 15,8%; Nhật Bản 71 dự án, vốn đầu tư 47,6 triệu USD, chiếm 10,7%; Hồng Kông 26 dự án, vốn đầu tư

33,5 triệu USD, chiếm 7,6%; Hoa Kỳ 21 dự án, vốn đầu tư đạt 11,2 triệu USD, chiếm 2,5%; Đài Loan 22 dự án, vốn đầu tư 7,7 triệu USD, chiếm 1,7%.

Lũy kế đến ngày 15/6/2018, trên địa bàn thành phố có 7.864 dự án còn hiệu lực hoạt động với tổng vốn đăng ký là 45 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/6/2018, thành phố đã cấp phép cho 20.194 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 226.103 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 8% nhưng vốn đăng ký giảm 10,4%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng là giấy phép là 14.320, chiếm 70,9%, tăng 9,1% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 177.370 tỷ đồng, giảm 8,8%.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 17.549 doanh nghiệp, tăng 7,9%; vốn đăng ký đạt 105.269 tỷ đồng, giảm 28,7%. Công ty cổ phần có 2.434 đơn vị, tăng 12,4%; vốn đăng ký 120.711 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 208 đơn vị, giảm 23,8%; vốn đăng ký đạt 121 tỷ đồng, vốn giảm 26,6%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng cấp phép là 91 đơn vị, giảm 12,5%; vốn đăng ký đạt 2.559 tỷ đồng, gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 4.176 doanh nghiệp, tăng 1,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 40.048 tỷ đồng, giảm 21%. Trong đó, vốn đăng ký ngành xây dựng chiếm đến 63,4% tổng vốn khu vực, đạt 25.403 tỷ đồng, giảm 29,4%; số giấy phép là 2.111, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.952 giấy phép, giảm 3,4%; vốn đăng ký 10.667 tỷ đồng, chiếm 26,6% tổng vốn khu vực, tăng 5,5%.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** có 15.927 doanh nghiệp được cấp phép, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 183.496 tỷ đồng, giảm 8,6%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** có 1.401 đơn vị, vốn đăng ký đạt 102.304 tỷ đồng (chiếm 55,8% tổng vốn khu vực); so với cùng kỳ năm trước, giấy phép tăng 26,2% và vốn tăng 2,1%. **Thương mại** 7.492 đơn vị, tăng 5,2%; vốn đăng ký đạt 38.347 tỷ đồng (chiếm 20,9%), giảm 17,3%. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 1.988 đơn vị, tăng 10,1%; vốn đăng ký 11.597 tỷ đồng (chiếm 6,3%), giảm 36,6% so với cùng kỳ năm trước

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Trong 5 tháng đầu năm, trên địa bàn thành phố đã có 1.145 doanh nghiệp giải thể, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động là 2.922 đơn

vị, tăng 14,4%; chuyển đi tỉnh thành khác có 384 đơn vị, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

Vụ Đông Xuân: Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 9.494,7 ha, giảm 5,5% so với năm trước. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa đạt 4.875 ha, giảm 9,8%, chủ yếu do diện tích lúa tại Củ Chi giảm 415,9 ha, Hóc Môn giảm 123,2 ha; sản lượng ước đạt 24.088 tấn, giảm 9,2%. Diện tích rau các loại đạt 2.791,6 ha, giảm 9,1%; sản lượng ước đạt 91.238,7 tấn, tăng 0,5%. Hoa cắt cành 267,4 ha tăng 15,7% so cùng kỳ.

Vụ hè thu: Diện tích lúa đã xuống giống 4.399 ha, giảm 4,1% so với cùng kỳ. Diện tích nhiễm sâu bệnh trên lúa vụ hè thu là 366,5 ha thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ là 698,3 ha); rau 758,1 ha (năm trước là 723,5 ha), diện tích phòng trừ là 1.653,9 ha. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn năm 2018, Thành phố tiếp tục triển khai xây dựng cánh đồng sản xuất rau muống nước theo quy trình VietGAP, thực hiện dán tem truy xuất nguồn gốc rau củ quả VietGAP cung cấp cho các điểm bán tại hệ thống siêu thị Saigon Co.op, siêu thị Big C, siêu thị Lotte và siêu thị AEON. Từ đầu năm đến nay, đã chứng nhận VietGAP cho 49 cơ sở, với diện tích 88,590 ha. Lũy kế, tổng số cơ sở sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố chứng nhận VietGAP là 1.113 tổ chức, cá nhân, với tổng diện tích canh tác là 901,9 ha.

1.2. Chăn nuôi

Thành phố tiếp tục việc triển khai các chương trình, đề án nhằm nâng cao chất lượng, tái cơ cấu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật các hộ chăn nuôi bò sữa trên địa bàn. Tính đến tháng 6, tổng đàn trâu bò ước tính là 135,4 ngàn con, xấp xỉ cùng kỳ năm 2017. Trong đó đàn bò sữa ước 95.287 con, giảm 3,5% so với cùng kỳ.

Đàn heo ước đạt 308,8 ngàn con, giảm 9,0% so với cùng kỳ. Đàn gia cầm ước đạt 180,1 ngàn con, giảm 20,5%.

Trong tháng không phát hiện dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS tại các hộ chăn nuôi. Tình hình dịch tễ đàn gia súc, gia cầm tương đối ổn định.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn Thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.592 ha. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,14%.

Diện tích rừng tập trung trồng mới trong 6 tháng là 68 ha, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số gỗ khai thác 8.955 m³, giảm 0,2%; củi khai thác 680 ster, giảm 1,2%.

Trong 6 tháng, Thành phố đã tổ chức đã tổ chức 405 lượt tuần tra bảo vệ rừng; tổ chức 299 lượt kiểm tra, xác nhận 229 hồ sơ cho doanh nghiệp làm thủ tục xuất động vật hoang dã.

3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 6 ước đạt 5.256,3 tấn, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng khai thác 1.240,9 tấn, giảm 10,7%; nuôi trồng 4.015,4 tấn, tăng 20,4%.

Lũy kế 6 tháng, sản lượng thủy sản ước đạt 28.211,4 tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 8.113,5 tấn, giảm 16,3%. Sản lượng nuôi trồng 20.098 tấn, tăng 17,7%; tăng cao chủ yếu do sản lượng nghề nuôi nước mặn ước đạt 4.534,9 tấn, tăng 67,4% so cùng kỳ, sản lượng hầu đạt 6.186,9 tấn tăng 23,9% so cùng kỳ năm trước.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 10/06, đã có 347 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 85,72 triệu con trên diện tích 3.313,15 ha. So với cùng kỳ diện tích tăng 8,6%, con giống giảm 1,1%. Tôm thẻ chân trắng có 1.117 lượt hộ thả nuôi với 318,38 triệu con giống trên diện tích 812,18 ha.

Dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ: Từ đầu năm đến nay có 62 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 44,56 ha, số lượng con giống thiệt hại là 15,04 triệu con; đã có 17 hộ với 7,1 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Hoạt động thương mại, dịch vụ tháng 6 diễn ra sôi động do vào dịp hè, nhu cầu vui chơi giải trí, du lịch tăng mạnh. Nhiều lễ hội như lễ hội “Trái cây Nam bộ năm 2018” tại khu du lịch văn hóa Suối Tiên, liên hoan “Ẩm thực đất Phương Nam” lần thứ 8 tại công viên văn hóa Đầm Sen, giới thiệu nét ẩm thực đa dạng của vùng đất Nam bộ, thu hút đông đảo khách tham quan. Đồng thời với sự kiện ngày hội bóng đá thế giới World Cup, nhiều chương trình ưu đãi, khuyến mãi các mặt hàng đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình; lương thực, thực phẩm; dịch vụ ăn uống được thực hiện, kích cầu mua sắm trong dịp này. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 dự ước đạt 85.869 tỷ đồng, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 12,2% so với tháng cùng kỳ năm trước.** Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 54.210 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.810 tỷ đồng, tăng 15,6%; du lịch, lữ hành 1.908 tỷ đồng, tăng 10,4%; dịch vụ khác ước đạt 19.941 tỷ đồng, tăng 12,3%.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, công tác bình ổn thị trường tiếp tục phát huy hiệu quả; hệ thống phân phối hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện lợi ngày càng phát triển và hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. **Lũy kế 6 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 510.190 tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước** (loại trừ giá tăng 9,4%). Trong đó:

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước đạt 31.073 tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước đạt 401.516 tỷ đồng, chiếm 78,7%, tăng 12,6%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 77.601 tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng 18,2%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** ước đạt 327.803 tỷ đồng, chiếm 64,3% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 12,7% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 17,6%, ước đạt 57.707 tỷ đồng, tăng 13,7%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 19,9%, đạt 65.345 tỷ đồng, tăng 14,7%; xăng dầu các loại chiếm 8,5%, đạt 27.794 tỷ đồng, tăng 14,4%; nhóm hàng may mặc chiếm 6,8%, đạt 22.279 tỷ đồng, tăng 13,6%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** ước đạt 55.512 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 49.208 tỷ đồng, tăng 11,8%; dịch vụ lưu trú 6.304 tỷ đồng, tăng 16,2%.

– **Du lịch, lữ hành:** đạt 9.952 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu ước đạt 116.923 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 61,4%, đạt 71.748 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2018 tăng 0,55% so tháng trước.

– **8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước, trong đó:**

+ *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,84%. Trong đó, nhóm lương thực tăng nhẹ 0,18%, cụ thể: nhóm gạo tăng 0,34%, nhóm bột mì ngũ cốc giảm 1,53% và nhóm lương thực chế biến tăng 0,16%; nhóm thực phẩm tăng 1,3%.

+ *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,04%;

+ *Nhóm may mặc mũ nón giày dép* tăng 0,01%;

+ *Nhóm nhà ở điện nước chất đốt* tăng 0,72%, chủ yếu do tác động từ việc tăng giá nhà cho thuê (+0,58%); gas (+4,80%); bình quân dầu hỏa (+2,36%); giá điện sinh hoạt (+0,36%).

+ *Nhóm thuốc và dịch vụ y tế* tăng 0,03%;

+ *Nhóm giao thông* có mức tăng 0,95%, chủ yếu do tác động của việc điều chỉnh giá cước tàu hỏa (+7,41%); cước máy bay (+2,59%); cước ô tô khách (+1,24%), cước taxi (0,61%). Bên cạnh đó, tác động của việc điều chỉnh tăng giá xăng dầu ở thời điểm 23/5/2018 với mức tăng (xăng +500đ/lít và dầu diesel +587đ/lít) làm cho mặt bằng giá xăng dầu tháng 6 so với tháng 5 vẫn ở mức cao, tuy có điều chỉnh giảm nhẹ vào ngày 22/6/2018 (xăng -330 đ/lít và dầu diesel -230đ/lít) nhưng do mức giảm thấp hơn so mức tăng nên làm cho chỉ số nhóm xăng dầu tháng 6 vẫn tăng +2,36% so tháng trước.

+ *Nhóm giáo dục* tăng 0,30%;

+ *Nhóm văn hóa giải trí và du lịch* tăng 0,11%;

- **3/11 nhóm giảm gồm:** Nhóm thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,03%; Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,06%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,23%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2018 so với cùng kỳ và so với tháng 12 năm trước tăng lần lượt là +3,47% và +1,34% (cùng kỳ năm trước: chỉ số lần lượt là +3,27% và +1,12%). **Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 2,68%.**

Chỉ số giá vàng tháng 6/2018 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 0,77% so với tháng 12/2017 và tăng 0,92% so với tháng cùng kỳ. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,18% so với tháng trước, tăng 0,43% so với tháng 12/2017 và tăng 0,56% so với tháng cùng kỳ năm trước.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố qua các cảng cả nước ước thực hiện tháng 6 năm 2018 đạt 3.446,8 triệu USD, tăng 5,0% so tháng trước. **Ước tính 6 tháng đạt 18.121,7 triệu USD, tăng 7,6% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 6 tháng ước đạt 16.936,4 triệu USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ.**

- Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 6 đạt 2.884,8 triệu USD, giảm 9,4% so tháng trước. Ước tính 6 tháng đạt 16.291,1 triệu USD, tăng 2,5% so cùng kỳ (loại trừ dầu thô ước 6 tháng đạt 15.105,8 triệu USD, tăng 5,4% so cùng kỳ). Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.669,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,2%, giảm 12,4%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 5.513,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 33,8%, tăng 6,2%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.107,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 55,9%, tăng 3,4%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước: đứng đầu là Trung Quốc với 3.124,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 19,2%; Mỹ chiếm vị trí thứ 2 với 2.686,7 triệu USD, chiếm 16,5%; kế đến Nhật Bản 1.601,1 triệu USD, chiếm 9,8%; Hàn Quốc 880,9 triệu USD, chiếm 5,4%; Hồng Kông 860,6 triệu USD, chiếm 5,3%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

– **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 2.689,7 triệu USD, tăng 5,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 17,8%. Trong đó:

+ Gạo đạt 511,6 triệu USD, tăng 26,4%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 373,6 ngàn tấn, giảm 21,6%. Thị trường chủ lực là Trung Quốc chiếm 42,2% giảm 22,7% so cùng kỳ; kế đến là thị trường Bờ Biển Ngà chiếm 9,5%, tăng 103%.

+ Cà phê đạt 424,7 triệu USD, giảm 6,6% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 245,4 ngàn tấn, tăng 1,5%.

+ Cao su đạt 260,5 triệu USD, giảm 15,9% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 120,5 ngàn tấn, tăng 2,2%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 444,7 triệu USD, tăng 26,8%.

+ Hàng lâm sản đạt 267,2 triệu USD, tăng 4,7%.

– **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 11.205,0 triệu USD, tăng 5,3% và chiếm tỷ trọng 74,2%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 4.141,4 triệu USD, tăng 3,9% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 27,4% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Thị trường tiêu thụ lớn nhất Trung Quốc chiếm tỷ trọng 39,4% và tăng 14,7% so cùng kỳ; kế tiếp là Hồng Kông chiếm 15,7%, tăng 38,9% và Mỹ chiếm 5,9%, giảm 19,4% so cùng kỳ.

+ Hàng dệt, may ước đạt 2.599,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17,2%, tăng 2,8% so cùng kỳ. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Nhật, Anh, Đức, Trung Quốc, Canada và Hàn Quốc chiếm tỷ trọng 84%. Trong đó tăng cao nhất là Hàn Quốc tăng 15,8%, giảm thấp nhất là Anh giảm 12,8% so cùng kỳ.

+ Hàng giày dép ước đạt 1.253,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 8,3%, giảm 4,0% so cùng kỳ. Thị trường chủ lực là Mỹ, Đức, Nhật, Anh, Trung Quốc, Bỉ, Pháp, Hà lan, Tây Ban Nha chiếm 75,5%.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 1.189,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,9%, tăng 16,0% so cùng kỳ.

– **Nhóm hàng hóa khác** đạt 1.211,1 triệu USD, tăng 4,3%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 2.131,7 ngàn tấn, giảm 44,7%; về trị giá đạt 1.185,3 triệu USD, giảm 24,1% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

- Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố qua các cảng cả nước ước thực hiện tháng 6 đạt 4.761,1 triệu USD, tăng 2,0% so tháng trước.

Ước tính 6 tháng đạt 23.668,4 triệu USD, tăng 15,0% so cùng kỳ.

- Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 6 ước đạt 3.576,7 triệu USD, giảm 11,2% so tháng trước. Ước tính 6 tháng đạt 19.788,8 triệu USD, tăng 11,6% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 997,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,0%, tăng 8,4%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 10.687,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 54,0%, tăng 15,8%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8.103,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 40,9%, tăng 6,8%;

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 6 tháng năm 2018:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 4.043,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 20,4%, giảm 1,0% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 2.719,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 13,7%, tăng 21,6%.

+ Vải các loại: nhập 1.253,2 triệu USD, tăng 7,7%.

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 999,1 triệu USD, tăng 13,3%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày: nhập 373,0 triệu USD, giảm 0,8%.

+ Sắt thép các loại: nhập 1.388,9 ngàn tấn, giảm 20,3%; kim ngạch đạt 824,2 triệu USD, tăng 5,7%.

+ Dược phẩm đạt 743,4 triệu USD, tăng 7,0%.

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và bốc xếp tháng 6 ước đạt 8.744,2 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước, tăng 13,8% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng ước đạt 52.476,6 tỷ đồng, tăng 11,7% so cùng kỳ.

+ **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 6 ước đạt 5.192,0 tỷ đồng, tăng 0,3% so tháng trước. Lũy kế 6 tháng ước 31.926,5 tỷ đồng, tăng 9,9% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,9%, tăng 11,5% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 6,4%, bằng 89,4% so cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 6 tháng chiếm tỷ trọng 60,7%, tăng 11,1% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 29,4%, tăng 7,9% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 9,7%, tăng 8,3%.

+ **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 6 ước 2.400,2 tỷ đồng, tăng 5,2% so tháng trước. Lũy kế 6 tháng ước đạt 13.837,3 tỷ đồng, tăng 18,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 73,7%, tăng 15,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 24,9%, tăng 29,9%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 6 tháng chiếm tỷ trọng 75,1%, tăng 15,1% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm tỷ trọng 23,6%, tăng 31,9% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 1,2%, tăng 2,1%.

+ **Bốc xếp:** Doanh thu tháng 6 ước đạt 1.152,0 tỷ đồng, tăng 1,8% so tháng trước. Sáu tháng ước 6.712,8 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 63,5%, tăng 32,8% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 36,5%, bằng 80,8% so cùng kỳ.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 6 tháng năm 2018 ước thực hiện 183.465 tỷ đồng, đạt 48,69% dự toán, tăng 8,00% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 121.439 tỷ đồng, đạt 47,40% dự toán, tăng 11,70% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 11.944 tỷ đồng, đạt 95,02% dự toán, tăng 38,57% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 50.020 tỷ đồng, đạt 46,31% dự toán, giảm 4,80% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	183.465	48,69	108,00
I- Thu nội địa	256.210	121.439	47,40	111,70
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	11.618	44,68	111,58
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	31.110	48,61	127,38
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	29.305	39,02	103,37
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	50.020	46,31	95,20
III- Thu từ dầu thô	12.570	11.944	95,02	138,57

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,57% tổng thu nội địa, tăng 11,58% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 8.068 tỷ đồng, đạt 43,85% dự toán, tăng 12,07% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 3.550 tỷ đồng, đạt 46,70% dự toán, tăng 10,49% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 31.110 tỷ đồng, đạt 48,61% dự toán, tăng 27,38% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 29.305 tỷ đồng, đạt 39,02% dự toán, tăng 3,37% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 6 tháng năm 2018 ước thực hiện 40.599 tỷ đồng, đạt 52,26% dự toán, tăng 5,90% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 6 tháng năm 2018 ước thực hiện 28.109 tỷ đồng, đạt 32,36% dự toán, tăng 32,27% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	28.109	32,36	132,27
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	12.658	35,00	173,81
II- Chi thường xuyên	36.500	14.578	39,94	110,51
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	1.894	30,17	98,29
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	4.333	38,47	107,69
Sự nghiệp y tế	2.176	583	26,78	86,28
Quản lý hành chính	6.362	2.576	40,48	110,36

Chi đầu tư phát triển 12.658 tỷ đồng, đạt 35,00% dự toán, tăng 73,81% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 14.578 tỷ đồng, đạt 39,94% dự toán, tăng 10,51% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.894 tỷ đồng, đạt 30,17% dự toán, giảm 1,71%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.333 tỷ đồng, đạt 38,47% dự toán, tăng 7,69%; chi sự nghiệp y tế 583 tỷ đồng, đạt 26,78% dự toán, giảm 13,72%; chi quản lý hành chính 2.576 tỷ đồng, đạt 40,48% dự toán, tăng 10,36% so cùng kỳ 2017.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 6 đạt 2.100,15 ngàn tỷ đồng, tăng 0,83% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +0,83%); tăng 14,2% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,7% tổng vốn huy động, tăng 10,15% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 47,6% tổng vốn huy động, tăng 8,62% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo

khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2018.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 10,69%, tăng 3,19% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 89,31%; tăng 15,68% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 6 đạt 1.884,69 ngàn tỷ đồng, tăng 17,15% so với tháng cùng kỳ và tăng 7,01% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 989,11 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,48% tổng dư nợ, tăng 13,42% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 173,41 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,2% tổng dư nợ, tăng 13,58% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.711,28 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,8% tổng dư nợ, tăng 17,53% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 05 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 360 gồm 356 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 3 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 10/05/2018 mã cổ phiếu HSL của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La giao dịch phiên đầu tiên, ngày 17/05/2018 mã cổ phiếu VHM của Công ty Cổ phần Vinhomes giao dịch phiên đầu tiên, ngày 22/05/2018 mã cổ phiếu DPG của Công ty Cổ phần Đạt Phương giao dịch phiên đầu tiên, ngày 25/05/2018 mã cổ phiếu TGG của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang giao dịch phiên đầu tiên; mã trái phiếu mới nào phát sinh giao dịch trong tháng này: CII1722 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.945.041 tỷ đồng, tăng 12,66% so với cuối năm 2017. Trong tháng 05/2018 có 22 phiên giao dịch, 9 phiên tăng điểm và 13 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng giảm là chủ đạo và có nhiều lần thiết lập đáy mới kể từ đầu năm vào các ngày giao dịch: 22, 25 và 28. Đến cuối tháng 05/2018, VN-Index đạt 971,25 điểm, giảm 1,32% (tương ứng giảm 12,99 điểm) so với cuối năm 2017.

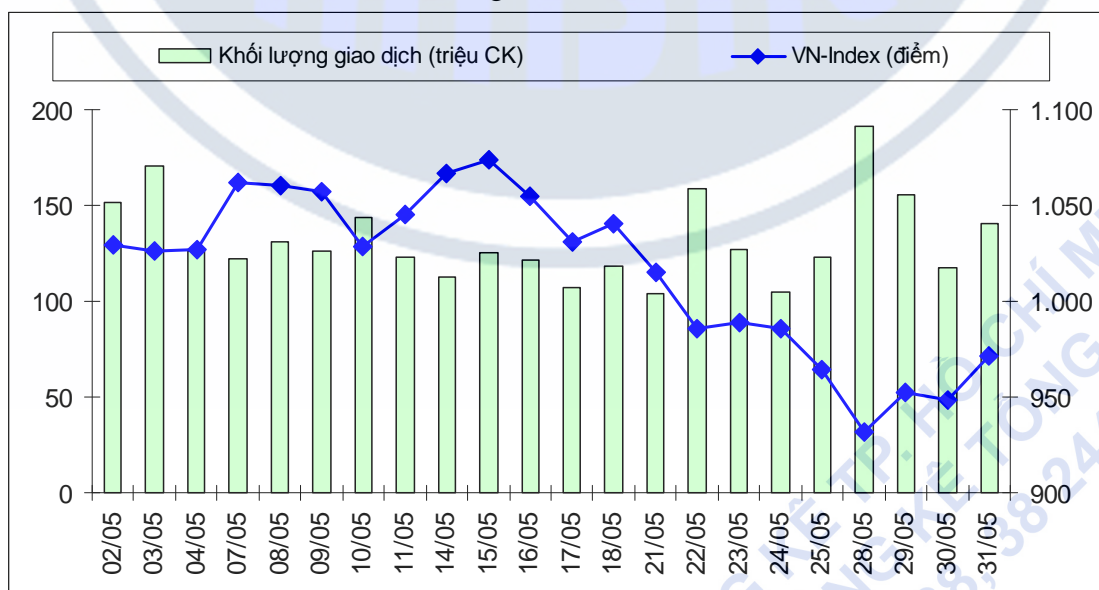
Khối lượng giao dịch trong tháng 05/2018 đạt 3.857,20 triệu chứng khoán, giảm 8,19% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 141.975,53 tỷ đồng, tăng 0,59% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 175,33 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 6.453,43 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 20,71% và giá trị giao dịch giảm 13,13% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 05/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 28/05 với 931,75 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 09/04 với 1.204,33 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 05/2018	5 tháng năm 2018	Tháng 05 so tháng 04	5 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.857,20	22.932,59	91,81	128,99
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.787,92	22.492,33	91,48	127,09
Trái phiếu	30,98	93,66	185,96	134,99
Chứng chỉ quỹ & ETF	38,30	346,60	86,83	3.100,18
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.900,60	19.550,77	82,07	120,89
Giao dịch thỏa thuận	956,60	3.381,82	143,34	210,62
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	141.975,53	714.917,83	100,59	193,82
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	138.155,66	699.180,73	99,66	193,43
Trái phiếu	3.209,24	9.697,63	186,36	133,48
Chứng chỉ quỹ & ETF	610,63	6.039,47	76,67	4.854,88
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.857,20	22.932,59	91,81	128,99
Giao dịch thỏa thuận	3.787,92	22.492,33	91,48	127,09

Đồ thị VN-Index tháng 05/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/06/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 361. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.204.798 tỷ đồng, tăng 22,59% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 1.016,51 điểm, tăng 32,27 điểm (tương ứng tăng 3,28%) so với cuối năm 2017.

X. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hóa thông tin

Hoạt động lễ hội: trong 6 tháng đầu năm, thành phố đã tổ chức lễ hội và các hoạt động kỷ niệm quy mô và thu hút công chúng như lễ hội đón chào năm mới 2018; Lễ hội Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018; Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương; Tổ chức kỷ niệm 229 năm chiến thắng Đống Đa; Kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức đường hoa, đường sách là nét đẹp văn hoá đặc trưng của thành phố; Kỷ niệm 72 năm ngày Thể thao Việt Nam; Lễ Quốc tế Phụ nữ 8/3; Khai mạc giải việt dã truyền thống lần thứ 42 tại tuyến đường Hoàng Sa, Trường Sa đã thu hút hàng trăm lượt vận động viên tham gia; Kỷ niệm 43 năm ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) và 132 năm ngày Quốc tế Lao động 1/5; Kỷ niệm 128 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 107 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. Phối hợp tổ chức biểu diễn chương trình nghệ thuật tại phố đi bộ Nguyễn Huệ, với các chương trình biểu diễn nghệ thuật tại Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ, Quận 9.

Các hoạt động tuyên truyền cổ động: Trung tâm Thông tin Triển lãm đã tổ chức thực hiện tuyên truyền trực quan tổng cộng 550 pano (trong đó 150 cụm pano 03 mặt và 400 pano lẻ), 1.100 banderole, 9.000 cờ, phướn; Tổ chức 25 cuộc triển lãm cố định, 2 triển lãm lưu động, trang trí 30 hội nghị, xe thông tin chuyên dùng 15 chuyến.

Hoạt động thư viện: trong 6 tháng đầu năm, thư viện Khoa học Tổng hợp đã thu hút được 899.702 lượt bạn đọc (đạt 56,82% kế hoạch năm), công tác tổ chức khá chuyên nghiệp với các loại hình dịch vụ, tài liệu phục vụ đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

Công tác gia đình: tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược gia đình Việt Nam đến năm 2020, thực hiện báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Đề án “Tổ chức các hoạt động nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20 tháng 3 hàng năm”. Đề xuất Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khen thưởng 01 tập thể và 01 cá nhân đạt thành tích trong triển khai Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3.

Về nghệ thuật: từ đầu năm đến nay, các đơn vị nghệ thuật công lập đã thực hiện 982 suất diễn với 545.737 lượt người xem. Trong đó, Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh: 298 suất, 176.190 lượt người xem; Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội: 103 suất, 55.900 lượt người xem; Nhà hát Nghệ thuật Phương Nam: 347 suất, 127.177 lượt người xem; Trung tâm Ca nhạc nhẹ: 36 suất, 96.100 lượt người xem; Nhà hát Kịch Thành phố: 54 suất, 17.100 lượt người xem, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang: 73 suất, 13.500 lượt người xem; Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen: 53 suất, 53.770 lượt người xem, Nhà hát Giao hưởng – Nhạc, Vũ kịch: 18 suất, 6.000 lượt người xem.

Thành phố tổ chức 2 đoàn nghệ thuật đi biểu diễn tại Đức, Séc, Ba Lan, Ucraina, Bỉ, Hungary và Phần Lan giao lưu và quảng bá văn hóa nghệ thuật, phục vụ kiều bào nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018. Phối hợp tổ chức đưa đội nghệ thuật xung kích thành phố đi thăm và biểu diễn nghệ thuật phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân huyện đảo Trường Sa, nhà giàn DK1.

Về quản lý di sản văn hóa: thành phố hiện có 172 công trình, địa điểm được xếp hạng di tích, chia ra: 02 Di tích quốc gia đặc biệt; 57 di tích quốc gia; 113 di tích cấp thành phố. Trong 6 tháng đầu năm 2018, đã thực hiện 24 cuộc trưng bày, triển lãm tại chỗ; 92 cuộc triển lãm lưu động. Tổng số khách tham quan 07 Bảo tàng ước thực hiện là 1,6 triệu lượt khách, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khách nước ngoài là 674.516 lượt khách.

2. Hoạt động thể dục thể thao

Thể dục thể thao cộng đồng: thành phố tổ chức các lễ hội và nhiều hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 72 năm Ngày Thể thao Việt Nam: tổ chức “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân” năm 2018; giải Marathon TPHCM mở rộng; Chương trình Bóng rổ trẻ Jr.NBA; Bóng rổ Festival trường học; Giải Đua Xe đạp Cúp Truyền hình Thành phố; Quần vợt U14 châu Á nhóm 2; Futsal vô địch Quốc gia lượt đi, vô địch Billiards -Snooker châu Á. Giải thể thao học sinh năm học 2017-2018 gồm 27 môn thể thao thu hút gần 650 trường với hơn 7000 học sinh tham gia thi đấu.

Thể thao thành tích cao:

– Về công tác tập huấn:

+ Đã cử đi tập huấn trong nước: Cử 144 lượt HLV, 822 lượt VĐV, 3 chuyên gia, 6 cán bộ thuộc 19 môn thể thao (so với cùng kỳ năm 2017 có 115 HLV, 600 VĐV, 2 chuyên gia, 4 cán bộ thuộc 17 môn thể thao).

+ Tập huấn nước ngoài: cử 18 HLV, 78 VĐV, 1 chuyên gia, 4 cán bộ thuộc 11 môn thể thao, trong đó 10 môn tập huấn ngắn hạn, 1 môn tập huấn dài hạn (so với cùng kỳ năm 2017 có 13 HLV, 50 VĐV, 1 chuyên gia, 7 cán bộ thuộc 10 môn thể thao).

+ Tập huấn Quốc gia: Thực hiện Quyết định triệu tập tập huấn của Tổng cục Thể dục Thể thao, thành phố cử Đội dự tuyển quốc gia có 12 HLV, 68 VĐV thuộc 19 môn thể thao được triệu tập (so với cùng kỳ năm 2017 có 21 HLV, 118 VĐV thuộc 19 môn thể thao) và Đội trẻ quốc gia có 9 HLV, 40 VĐV thuộc 11 môn thể thao (so với cùng kỳ năm 2017 có 11 HLV, 55 VĐV thuộc 16 môn thể thao).

– Về thành tích thi đấu:

+ Về thi đấu Trong nước: Tham dự giải toàn quốc thể thao, thành phố đã cử 289 lượt HLV, 1.831 VĐV, 04 chuyên gia và 79 cán bộ, trọng tài thuộc 32 môn tham dự đạt 160 HCV, 119 HCB, 124 HCD (so với cùng kỳ năm 2017 có 329 HLV,

1.625 VĐV, 7 chuyên gia và 102 cán bộ, trọng tài thuộc 31 môn tham dự giải toàn quốc đạt 101 HCV, 61 HCB, 57 HCD).

+ Về thi đấu Quốc tế: Cử 84 HLV, 303 VĐV, 3 chuyên gia và 3 trọng tài thuộc 28 môn thể thao tham dự giải đạt 35 HCV, 41 HCB, 17 HCD (so với cùng kỳ năm 2017 có 13 HLV, 50 VĐV, 1 chuyên gia và 7 trọng tài thuộc 10 môn thể thao tham dự giải đạt 36 HCV, 29 HCB, 17 HCD).

– **Về tổ chức giải:** Tổ chức 84 giải Thành phố; 5 giải cấp toàn quốc và 04 giải quốc tế.

3. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh: trong 6 tháng đầu năm 2018, thành phố tổ chức lễ phát động “Ngày ASEAN phòng, chống sốt xuất huyết” với nhiều hoạt động truyền thông trong cộng đồng, các giải pháp xử lý các yếu tố nguy cơ bùng phát dịch bệnh, ứng dụng và tiếp tục hoàn thiện phần mềm GIS trong quản lý bệnh, cảnh báo các điểm nguy cơ xuất hiện bệnh truyền nhiễm.

– Tình hình bệnh Sốt xuất huyết (SXH): từ ngày 01/01/2018 đến ngày 14/06/2018 số ca sốt xuất huyết nhập viện là 4.796 ca, giảm 33,6% so với cùng kỳ năm 2017, không có trường hợp tử vong.

– Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 14/06/2018 số ca tay chân miệng là 1.193 ca, giảm 32,3% so với cùng kỳ năm 2017, không có trường hợp tử vong

– Tình hình bệnh sởi: từ ngày 01/01/2018 đến ngày 14/6/2018 số ca bệnh sởi là 3 ca ở quận 2, quận 6 và quận Phú Nhuận; không có trường hợp nào nhiễm mới.

– Tình hình cúm A/H1N1 (hay còn gọi là cúm mùa): tính đến ngày 08/06/2018 ghi nhận 28 trường hợp mắc cúm, trong đó có 01 ca tử vong do người bệnh thuộc nhóm có nguy cơ diễn tiến nặng cao.

– Các bệnh truyền nhiễm khác: trong khả năng kiểm soát, không để lan rộng ra cộng đồng.

Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP): thành phố tăng cường quản lý an toàn thực phẩm thông qua rà soát cấp phép, quy trình hoạt động, thường xuyên kiểm tra giám sát và từng bước yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn thực phẩm đầu vào. Thành phố cũng đã xây dựng các điểm thức ăn đường phố tại 1 số tuyến đường thuộc 16/24 quận/huyện. Trong 6 tháng đầu năm 2018, xảy ra 1 vụ ngộ độc tại một trường tiểu học ở huyện Bình Chánh làm 29 học sinh nhập viện, nguyên nhân là trà sữa bị nhiễm vi sinh vật, không có trường hợp tử vong.

4. Giáo dục:

4.1. Tình hình tuyển sinh đầu cấp:

– Tuyển sinh vào lớp 1: ban tuyển sinh quận-huyện vận động 100% trẻ 6 tuổi đi học đúng tuyến, phân đầu thực hiện số học sinh tiểu học bình quân 1 lớp học

là 35 học sinh/lớp. Công tác tuyển sinh vào lớp 1 bắt đầu từ ngày 1/7, công bố kết quả đồng loạt vào ngày 31/7.

– Tuyển sinh vào lớp 6: các trường theo hình thức xét tuyển đối với học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học, ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn. Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15/6, công bố kết quả đồng loạt vào ngày 15/7.

– Tuyển sinh vào lớp 10: các trường tổ chức thi tuyển đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở (các trường ngoài công lập có thêm hình thức xét tuyển), thực hiện số học sinh trung học phổ thông bình quân 1 lớp học không vượt quá 45 học sinh/lớp. Sở giáo dục công bố điểm thi vào ngày 13/6 và dự kiến công bố điểm chuẩn vào ngày 3/7.

4.2. Tình hình giáo dục mầm non: năm học 2017-2018, thành phố có 1.028 trường mầm non, tăng 108 trường so với năm học trước; nâng số phòng học của khối mầm non lên 15.479 phòng, tăng 6,81% so với cùng kỳ; số lớp học của khối là 14.416 lớp, tăng 7,55%; số giáo viên là 24.987 người, tăng 9,18%; số trẻ đến lớp là 385.306 trẻ, tăng 5,19%; với quy mô trường học, phòng học được xây mới đã kéo giảm 2,2% số học sinh mầm non bình quân một lớp học, xuống còn 26,7 học sinh/lớp.

4.3. Tình hình giáo dục phổ thông: năm học 2017-2018, thành phố có 952 trường phổ thông, tăng 2 trường so với năm học trước, bao gồm: 489 trường tiểu học, giảm 4 trường; 271 trường trung học cơ sở, tăng 5 trường; 146 trường trung học phổ thông, tăng 1 trường; 4 trường phổ thông cơ sở và 42 trường trung học. Số phòng học là 28.232 phòng, tăng 3,89% so cùng kỳ; số lớp học là 30.454 lớp, tăng 3,14%; số giáo viên là 51 nghìn người, tăng 1,84%; số học sinh là 1.225,04 nghìn người, tăng 3,48% so cùng kỳ; số học sinh phổ thông bình quân một lớp học ở mức cao là 40,2 học sinh/lớp.

5. Trật tự an toàn xã hội (16/11/2017 – 15/5/2018)

5.1. Vi phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng: tình hình hoạt động trên lĩnh vực kinh tế diễn biến phức tạp, qua triển khai các biện pháp nghiệp vụ lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 994 vụ, 960 đối tượng vi phạm về lĩnh vực kinh tế (trong đó phát hiện mới là 681 vụ, 675 đối tượng), thu giữ nhiều tài sản và hàng hóa tang vật trị giá khoảng 91,5 tỷ đồng. Thụ lý điều tra 449 vụ, 180 đối tượng (trong đó tội phạm tham nhũng là 15 vụ, 40 đối tượng). Đề nghị truy tố 50 vụ, 104 đối tượng.

5.2. Vi phạm môi trường: tình hình vi phạm pháp luật về môi trường và an toàn thực phẩm tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 2018, đã phát hiện và xử lý 337 vụ vi phạm về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, đề nghị khởi tố 09 vụ, 10 đối tượng. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 307 vụ, thu về ngân sách Nhà nước khoảng 21 tỷ đồng.

5.3. Vụ phạm pháp hình sự: trong 6 tháng đầu năm, phạm pháp hình sự được kiểm chế và kéo giảm so với cùng kỳ năm 2017; ghi nhận xảy ra 2.005 vụ phạm pháp hình sự, giảm 11,13% (-251 vụ) so với cùng kỳ, làm chết 54 người, bị thương 261 người, thiệt hại tài sản khoảng 48 tỷ đồng. Trong cơ cấu tội phạm: chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn các loại án xâm phạm tài sản, xảy ra 1.698 vụ, chiếm 84,69%; án xâm phạm nhân thân xảy ra 245 vụ, chiếm 12,22%; chống người thi hành công vụ xảy ra 13 vụ, chiếm 0,65% và các án khác xảy ra 49 vụ, chiếm 2,44%. Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 1.498 vụ (đạt 74,71%), bắt 1.661 đối tượng. Tỷ lệ khám phá án giết người, hiếp dâm, giao cấu trẻ em, bắt cóc trẻ em nhằm chiếm đoạt tài sản, cưỡng đoạt tài sản, bắt giữ người trái pháp luật, chống người thi hành công vụ đạt 100%; Tỷ lệ khám phá án trộm đạt 67,3% nên đã tác động tích cực, nâng cao tỷ lệ khám phá án chung của Công an thành phố.

Tình hình phòng chống tệ nạn xã hội

– **Ma túy:** trong 6 tháng đầu năm, cơ quan điều tra đã phát hiện 710 vụ, bắt 1.366 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đã khởi tố 627 vụ, 792 bị can, xử phạt hành chính 83 vụ, 574 tên.

– **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** hoạt động mại dâm diễn biến phức tạp, tinh vi dưới nhiều hình thức, đã chuyển hướng sang phương thức chào hàng, môi giới tại các trang mạng xã hội, gây khó khăn trong việc phát hiện và xử lý. Công an thành phố đã phát hiện 42 vụ tổ chức môi giới mại dâm, xử lý 112 đối tượng.

– **Cờ bạc, cá độ:** tình hình tệ nạn cờ bạc có xu hướng giảm nhưng tính chất quốc tế hóa với mức độ và quy mô ngày càng lớn, nhất là hình thức cá độ bóng đá, cờ bạc qua mạng Internet. Lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý 180 vụ cờ bạc, bắt xử phạt hành chính 1.049 đối tượng, thu khoảng 2,6 tỷ đồng và nhiều công cụ, phương tiện khác phục vụ cho hoạt động phạm tội.

5.4. Trật tự an toàn giao thông (TTATGT): trong 6 tháng đầu năm, đã phát hiện và giải tán 52 tập thanh niên tụ tập, chạy xe gây rối trật tự công cộng. Qua công tác tuần tra kiểm soát đã phát hiện và lập biên bản xử lý 151.828 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ, tạm giữ 18.473 phương tiện các loại, tước Giấy phép lái xe 24.923 trường hợp; ra quyết định xử phạt 88.194 trường hợp, thu về ngân sách khoảng 59,2 tỷ đồng.

– **Về giao thông đường bộ:** trong 6 tháng đầu năm, đã xảy ra 1.793 vụ, trong đó có 353 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên giảm 1,12% (-04 vụ) so với cùng kỳ năm 2017, làm chết 337 người tăng 4,98% (+16 người), làm bị thương 91 người, giảm 14,95% (-16 người) và 1.440 vụ va chạm giảm 2,44% (-36 vụ).

– **Về giao thông đường thủy:** thành phố không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường thủy. Trong 6 tháng đầu năm, lực lượng cảnh sát đường thủy đã kiểm tra 22.464 lượt phương tiện đường thủy, phát hiện xử lý và ra quyết định xử phạt 21.608 trường hợp vi phạm, thu về ngân sách khoảng 378 triệu đồng, không xảy ra tai nạn trên tuyến thủy nội địa.

– **Về tai nạn giao thông đường sắt:** xảy ra 1 vụ, không có người chết, làm bị thương 1 người.

5.5. Về tình hình cháy, nổ: (từ ngày 16/12/2017 đến 15/6/2018)

Tình hình cháy: đã xảy ra 240 vụ cháy giảm 57,07% (-319 vụ) so với cùng kỳ năm trước. Các vụ cháy làm chết 17 người, bị thương 63 người (+9 người chết, +39 người bị thương so với cùng kỳ năm trước), thiệt hại tài sản ước tính thành tiền khoảng 9,40 tỷ đồng. Đối tượng xảy ra cháy chủ yếu là nhà ở đơn lẻ (chiếm 100/240 vụ, tỷ lệ 41,67%); địa bàn xảy ra cháy nhiều nhất là huyện Bình Chánh (chiếm 19/240 vụ, tỷ lệ 7,92%). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu là do sự cố trong sử dụng các hệ thống – thiết bị điện (chiếm 98/240 vụ, tỷ lệ 40,83%).

Tình hình nổ: trên địa bàn Thành phố không xảy ra nổ.

6. Thực trạng đời sống cán bộ, công nhân viên chức, người lao động hưởng lương và giải quyết việc làm

6.1. Đời sống cán bộ, công nhân viên chức, người lao động hưởng lương

Mức lương tối thiểu vùng mới cao hơn mức lương năm 2017 khoảng 180.000 - 230.000 đồng/tháng. Việc tăng mức lương này nhằm bù đắp lạm phát và đảm bảo đời sống tối thiểu cho người lao động. Bắt đầu áp dụng từ 01/7/2018, theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hưởng mức lương mới là 1.390.000 đồng/tháng thay cho mức lương cũ là 1.300.000 đồng/tháng (tăng 90.000 đồng/tháng).

Thu nhập của người lao động: tính chung 6 tháng đầu năm, thành phố đã có 1.700/5.100 doanh nghiệp gửi thỏa ước lao động tập thể (đạt 33,3% kế hoạch năm, tăng 400 doanh nghiệp so cùng kỳ) và có 12.200/20.000 doanh nghiệp gửi thang bảng lương (đạt 61,0% kế hoạch năm, tăng 1.136 doanh nghiệp so với cùng kỳ). Tiếp nhận và thẩm định đăng ký nội quy lao động cho 859 trường hợp.

Về quan hệ lao động: tính đến ngày 05/6/2018, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 12 vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công với tổng số người tham gia là 3.387 người (giảm 16 vụ và giảm 14.624 người so với cùng kỳ năm 2017). Các vụ tranh chấp lao động được các cấp công đoàn chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng tham gia giải quyết; về phía người sử dụng lao động đã cam kết thực hiện và giải quyết các kiến nghị chính đáng của công nhân lao động.

6.2. Giải quyết việc làm: trong 6 tháng đầu năm, toàn thành phố giải quyết việc làm 160.355 lượt người (đạt 53,5% kế hoạch năm) và 82.565 chỗ việc làm mới được tạo ra (đạt 63,5% kế hoạch năm). Đã tổ chức được 39 phiên sàn giao dịch,

ngày hội việc làm, trong đó có: 233.677 lượt người được tư vấn việc làm; 71.637 lượt người được giới thiệu việc làm và 40.310 lao động nhận được việc làm. Về công tác xuất khẩu lao động: trong 6 tháng đầu năm, đã thực hiện đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là 6.819/13.500 người (đạt 50,5% kế hoạch năm).

6.3. Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp: tính đến 6 tháng đầu năm, thành phố dự ước có 73.000 lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, 70.000 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 17.729 lượt người được giới thiệu việc làm và 6.870 người được hỗ trợ học nghề.

7. An sinh xã hội: qua kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, thành phố phần đầu hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo năm 2018 là giảm 1% tỷ lệ hộ nghèo và giảm 1,2% tỷ lệ hộ cận nghèo.

7.1. Công tác giảm nghèo bền vững

Đầu năm 2018, thành phố có 58.408 hộ nghèo và cận nghèo. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm, có khoảng 10.000 hộ vượt chuẩn nghèo, đạt 50% kế hoạch năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo còn lại khoảng 0,8% tổng hộ dân thành phố. Thành phố có 3.238 tổ tự quản giảm nghèo trong đó: có 3.038 tổ hoạt động nề nếp. Xây dựng kế hoạch tập huấn 6.312 cán bộ làm công tác giảm nghèo bền vững năm 2018. Phối hợp Đài phát thanh thành phố phát thanh một kỳ/tuần về Chương trình giảm nghèo năm 2018.

Về thực hiện các giải pháp trợ giúp trực tiếp chăm lo hộ nghèo: Tổng quỹ Xóa đói giảm nghèo là 822,1 tỷ đồng, tăng 138,2 tỷ đồng so với đầu năm 2018 từ nguồn ngân sách và vận động của quận, huyện bổ sung. Dư nợ đến 30/4/2018 của 34.035 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo với số tiền 628,1 tỷ đồng và ủy thác sang nguồn quỹ Quốc gia về việc làm 42,1 tỷ đồng. Trong 4 tháng đầu năm 2018, quỹ đã hỗ trợ cho vay 1.614 hộ, với số tiền 47,6 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo, hộ nghèo: cấp phát 220.788 thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người diện hộ nghèo, cận nghèo, vượt chuẩn cận nghèo (đạt 84,3% kế hoạch năm). Dự kiến đến 31/12/2018, thực hiện cấp phát 262.027 thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo, vừa vượt chuẩn cận nghèo (đạt 100% kế hoạch năm). Tính đến tháng 5, đã có 15 quận/huyện báo cáo kinh phí thực hiện hỗ trợ cho 523 hộ nghèo nhóm 1, 2 thuộc diện khó khăn đặc biệt, với số tiền 0,9 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 42.087 lượt hộ nghèo nhóm 1, 2 với số tiền 5,2 tỷ đồng của 21 quận, huyện.

Thành phố tổ chức đi thăm, chúc tết và tặng quà cho 82.562 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới vượt chuẩn năm 2017 với tổng số tiền là 75,8 tỷ đồng. Trong 4 tháng đầu năm, các quận/huyện đã thực hiện đào tạo nghề cho 265 lao động (đạt 3,3% kế hoạch năm), giải quyết việc làm trong nước cho 1.550 lao động (đạt 15,5% kế hoạch năm), xuất khẩu lao động 03 lao động (đạt 10,0% kế hoạch năm).

Tính đến ngày 30/4/2018, thành phố đã thực hiện vận động 4,3 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí xây dựng 53 căn nhà tình thương (số tiền 2,3 tỷ đồng); sửa chữa chống

dợt 80 căn (số tiền 1,6 tỷ đồng); sửa chữa và xây dựng 11 căn nhà tình nghĩa (với số tiền 0,4 tỷ đồng). Dự kiến đến 31/12/2018, thực hiện xây dựng và sửa chữa 1.000 nhà tình thương, nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (đạt 100% kế hoạch năm).

7.2. Bảo trợ xã hội

Thành phố có 58 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập đang quản lý 3.311 đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 16 Trung tâm đang quản lý 6.054 đối tượng. Số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng là 127.881 người. Thành phố tổ chức 21 đoàn thăm người cao tuổi nhân ngày Người cao tuổi Việt Nam (06/6/2018), đề nghị Chủ tịch nước ký tặng Thiệp mừng thọ cho 410 công dân tròn 100 tuổi, đề nghị UBND thành phố ký giấy mừng thọ cho 1.461 người cao tuổi tròn 90 tuổi. Thành phố tặng 142.562 phần quà tết cho người thuộc diện bảo trợ xã hội với kinh phí hơn 155 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: thành phố tổ chức lễ phát động “Tháng hành động Vì trẻ em năm 2018”, và thực hiện chăm lo Tết cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng kinh phí là 16,8 tỷ đồng, trong đó: trao tặng 39.538 phần quà với tổng kinh phí hơn 15,4 tỷ đồng, kinh phí chăm lo khác là 1,4 tỷ đồng.

7.3. Thực hiện chính sách với người có công

Trong 6 tháng đầu năm, thành phố đã công nhận 996 trường hợp người có công; tổ chức thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất cho 280.813 người diện chính sách có công với tổng kinh phí hơn 361,9 tỷ đồng. Thành phố giải quyết trợ cấp thờ cúng liệt sĩ 934 trường hợp; ra quyết định giải quyết 4.292 trường hợp điều dưỡng tại nhà với tổng số tiền 4,8 tỷ đồng; 50 trường hợp điều dưỡng tập trung với tổng số tiền 111 triệu đồng; cấp 1.246 thẻ BHYT cho các đối tượng chính sách người có công. Tiếp nhận 495 hồ sơ của người có công và của thân nhân liệt sĩ từ tỉnh (thành phố) khác chuyển đến.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tháng 6 và 6 tháng năm 2018.